

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-ST  
Ngày: 07-9-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng dân  
sự (vay tài sản)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Đình Thìn– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Minh T, sinh năm 1981; HKTT: Ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

*Bị đơn:* Bà Phạm Thanh N, sinh năm 1969; HKTT: Ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn bà N vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2020, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (bà Lê Minh T) trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, nên bà T có cho bà N vay tiền, đến ngày 16/11/2014, bà T cho bà N vay tổng số tiền 12.750.000 đồng và có làm giấy mượn tiền do bà N lăn tay xác nhận và hứa sẽ trả dần hằng tháng nhưng bà N

không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận dù bà T đã nhiều lần yêu cầu. Vì vậy, bà T khởi kiện ra Tòa yêu cầu bà Phạm Thanh N phải thanh toán số tiền còn nợ là 12.750.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn gồm: Giấy mượn tiền đề ngày 16/11/2014 (bản sao có đối chiếu bản chính), bản tự khai của nguyên đơn.

Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến gì khác.

*Bị đơn bà N trong quá trình tố tụng đã được Tòa án thực hiện thủ tục triệu tập và cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N vắng mặt không có lý do.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn bà N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn bà N phải thanh toán số tiền còn nợ là 12.750.000 đồng. Bà N hiện đang cư trú tại ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà T yêu cầu bà N thanh toán số tiền còn nợ là 12.750.000 đồng căn cứ vào bản chính giấy mượn tiền đề ngày 16/11/2014 có nội dung ghi nhận bà Phạm Thanh N, sinh năm 1969 có mượn của bà Lê Minh Thuý, sinh năm 1981 số tiền 12.750.000 đồng, bà N có lần tay trên giấy nợ. Bị

đơn bà N có hộ khẩu thường trú và vẫn còn sinh sống tại địa phương, đã được Toà án niêm yết bản sao giấy mượn tiền cũng như thông báo thụ lý, giấy triệu tập cùng các văn bản tố tụng khác tại nhà bà N để bà N để tham gia tố tụng nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối nội dung nguyên đơn tranh chấp với bị đơn. Xét giấy mượn tiền đề ngày 16/11/2014, có cơ sở xác định: Giữa bà T và bà N đã thiết lập quan hệ vay tài sản, bà T là bên cho vay, còn bà N là bên vay, số tiền vay là 12.750.000 đồng. Bà T đã thông báo nhiều lần nhưng bà N vẫn không tiếp tục thực hiện việc trả nợ là bà N đã vi phạm thỏa thuận đã ký kết. Yêu cầu của bà T về việc buộc bà N thanh toán số tiền 12.750.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Minh T đối với bị đơn bà Phạm Thanh N về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”.

Buộc bà Phạm Thanh N có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Minh T số tiền là 12.750.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thanh N phải chịu 637.500 đồng (sáu trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Minh T số tiền 318.750 đồng (ba trăm mười tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0032826 ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**3.** Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2020).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Tuyên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Thu**

**Nguyễn Thị Kim Phi**

**Phạm Ngọc Tuyên**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Tuyên**